TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2023/HS-PT
Ngày 14-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sang.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Lê Quân Vương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hữu Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà:*** Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 11 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 186/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng Đ do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2023/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1986 tại tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Khóm Mỹ C, thị trấn Cầu Ng, huyện Cầu Ng, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: bảo vệ; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có vợ là bà Nguyễn Thị Xuân Q và 01 người con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Ngày 10/3/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Cà M, tỉnh Cà Mau xử phạt 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2006/HS-ST (ngày 19/5/2006 chấp hành xong hình phạt, ngày 30/6/2006 đã nộp án phí); bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17 tháng 3 năm 2023; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị hại, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hoàng Đ quen biết với bà Nguyễn Thị Th, Đ và bà Th thuê phòng ở nhà trọ đường chùa B, khu phố Đông T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương chung sống với nhau từ năm 2018. Ngày 14/5/2020, bà Th để số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ trong tủ nhựa đựng quần áo tại phòng trọ. Khoảng 07 giờ ngày 15/5/2020, Đ đi làm ca đêm về phòng trọ gặp bà Th và kêu bà Th đi ra ngoài mua đồ ăn sáng. Khi bà Th đi ra ngoài, Đ đi đến tủ lấy chìa khóa trên mặt tủ để mở tủ lấy thuốc hút thì phát hiện trong tủ có túi nilon màu đỏ, bên trong túi nilon có nhiều cọc tiền mệnh giá 100.000 đồng; 200.000 đồng và 500.000 đồng. Đ lấy túi nilon đựng tiền bỏ vào ba lô rồi lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 59S3 – 339.xx điều khiển bỏ trốn về quê. Trên đường đi Đ mở túi nilon ra xem thấy bên trong có số tiền 250.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ. Sau khi mua đồ ăn sáng về bà Th thấy cửa phòng khóa, bà Th mở cửa phòng trọ đi vào mở tủ kiểm tra thì phát hiện mất túi nilon màu đỏ bên trong có 250.000.000 đồng và 01 nhẫn vàng 9999 trọng lượng 10 chỉ, bà Th liền điện thoại cho Đ thì không liên lạc được. Bà Th tìm về quê của Đ, khoảng 07 giờ ngày 16/5/2020, Đ đang ngồi uống cà phê tại quán cà phê thuộc xã Mỹ H, huyện Cầu Ng, tỉnh Trà Vinh thì phát hiện bà Th, Đ điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 59S3 – 339.xx bỏ đi. Sau đó Đ đến tiệm rửa xe của anh K gửi xe, đồng thời Đ điện thoại cho bà Th đến gặp ông Th để lấy xe. Ngày 18/5/2020, Đ đón xe ô tô khách đến thành phố Tr, tỉnh Trà Vinh vào tiệm vàng (không rõ địa chỉ) bán nhẫn vàng cho một người phụ nữ được số tiền 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng. Số tiền bán vàng và tiền lấy của bà Th, Đ đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 17/3/2023, Nguyễn Hoàng Đ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tiền và vàng của bà Th.

Theo Kết luận định giá số 147 ngày 31/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự kết luận: 01 nhẫn vàng Đ chiếm đoạt của bà Th có trọng lượng 10 chỉ, tại thời điểm định giá chiếc nhẫn trị giá 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Đ đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), bị hại Th yêu cầu Đ phải bồi thường số tiền còn lại là 291.000.000 đồng (hai trăm chín mươi mốt triệu đồng).

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 59S3 – 339.xx bà Nguyễn Thị Th đứng tên chủ sở hữu, nhưng bà Th giao xe cho Đ sử dụng. Ngày 15/5/2020, Đ điều khiển xe mô tô về quê tại tỉnh Trà Vinh, Đ không có ý thức chiếm đoạt và đã trả lại xe cho bà Th nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Theo bản Cáo trạng số 262/CT- VKS ngày 21/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2023/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 17/3/2023.

Ngoài ra còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, án phí, quyền kháng cáo cho bị cáo, người tham gia tố tụng khác.

Ngày 27/8/2023, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về thời hạn kháng cáo, đơn kháng cáo của bị cáo đúng theo thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đưa vụ án ra xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Về nội dung: Bị cáo Đ có hành vi lén lút chiếm đoạt tiền và vàng của bị hại Th với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 296.000.000 (hai trăm chín mươi sáu triệu) đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo và bị hại sống chung với nhau như vợ chồng, nhưng khi phát hiện tài sản riêng của bị hại thì bị cáo nảy sinh lòng tham chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn để tiêu xài cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại mà chỉ tác động gia đình bồi thường được một phần nhỏ (5.000.000 đồng/296.000.000 đồng), điều này thể hiện sự cố ý, tham lam, lười lao động và xem thường pháp luật của bị cáo, nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhân thân xấu bị xử phạt tù về tội chiếm đoạt tài sản, nên mức hình phạt 08 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 251/2023/HS-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ không tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét lại bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nhận định của bản án sơ thẩm, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, các biên bản hỏi cung bị can, cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ ngày 15/5/2020, lợi dụng sự sơ hở của bị hại Nguyễn Thị Th, Nguyễn Hoàng Đ đã lén lút chiếm đoạt của bà Th số tiền 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng và 01 nhẫn vàng trọng lượng 10 chỉ trị giá 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), tổng giá trị tài sản bị cáo Đ chiếm đoạt của bị hại Th là 296.000.000 đồng (hai trăm chín mươi sáu triệu đồng). Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; với tính chất, mức độ thực hiện tội phạm cũng như nhân thân của bị cáo Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 08 năm 06 tháng tù là phù hợp. Bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí phúc thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng Đ. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 251/2023/HS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

1.1 Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng Đ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2023.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Nguyễn Hoàng Đ phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GĐKT 1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Tòa án nhân dân thành phố D (02);
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố D;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D;
- Phòng PV06 - Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố D (01);
- Bị cáo;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT, NTS, 20.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Sang